TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2020/DS-PT

Ngày: 31/12/2020

"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Bà Võ Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 211/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H

Địa chỉ: khu vực TH, phường BT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L

Địa chỉ: ấp 3, xã LT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hồng N – thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Thùy D

Địa chỉ: ấp 8, xã LT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- A Nguyễn Văn M

Địa chỉ: ấp 8, xã LT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T

Địa chỉ: ấp 3, xã LT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày: 10/12/2005.

Người đại diện theo pháp luật của Ngọc N: Ông Nguyễn Hoàng L (cha cháu N)

Địa chỉ: ấp 3, xã LT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm: 2004.

Người đại diện theo pháp luật của T A: Ông Nguyễn Hoàng L (cha cháu A)

Địa chỉ: ấp 3, xã LT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Đ

Địa chỉ: ấp 7, xã LT A, thị xã LM, Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Do có kháng cáo của: Ông Nguyễn Hoàng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2019 quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: Vào ngày 12/8/2017 ông Nguyễn Hoàng L và vợ là Nguyễn Thị Thanh T có vay của bà số tiền 33.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/33.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, khi vay không có làm biên nhận. Ông L bà T đóng lãi được 03 tháng với số tiền 6.000.000 đồng. Do ông L bà T không tiếp tục đóng lãi nên đến tháng 4/2018 bà yêu cầu ông L viết biên nhận còn nợ số tiền 33.000.000 đồng, ông L hứa trả một tháng 5.500.000 đồng cho đến khi hết nợ Nng ông L vẫn không thực hiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng L trả cho bà số tiền vốn 33.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản ngày 08/01/2020, quá trình thu thập chứng cứ bị đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày: Vào ngày 12/8/2017 vợ ông là Nguyễn Thị ThA T có vay của bà H số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 150.000 đồng/ngày, khi vay không có làm biên nhận, không có thỏa thuận thời gian trả. Ông và bà T đã đóng lãi được 06 tháng tiền lãi với số tiền 27.000.000 đồng, khi đóng lãi bà H không có làm biên nhận cho ông. Đến khoảng tháng 4/2018 bà H

và ông tính lại tổng số tiền vốn lãi thì bà H nói ông còn nợ vốn là 30.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền lãi, bà H yêu cầu ông viết biên nhận và ông có viết biên nhận còn nợ bà H số tiền 33.000.000 đồng. Ông hứa mỗi tháng trả 5.500.000 đồng, trả đến khi hết nợ. Ông đã trả cho bà H được 02 lần với số tiền 11.000.000 đồng, lần đầu vợ ông là Nguyễn Thị Thanh T gởi 5.500.000 đồng cho con gái bà H tên Nguyễn Thị Thùy D, sau đó con gái ông là Nguyễn Thị Ngọc N đem tiền đến nhà bà H thì con rễ bà H là A Nguyễn Văn M nhận 5.500.000 đồng. Việc trả tiền cho bà H không có giấy tờ gì.

Ngoài ra ông và bà H có chơi chung 01 dây hụi 10.000 đồng/ngày do bà Đ làm chủ, ông tham gia 15 phần, bà H tham gia 15 phần, do ông còn nợ bà H nên ông đóng thay 15 phần của bà H, mỗi ngày đóng 150.000 đồng, ông đóng được 120 ngày x 15 phần = 18.000.000 đồng. Việc đóng hụi do con gái ông là Nguyễn Thị T A và Nguyễn Thị Ngọc N đưa tiền cho chị Thùy D, để bà H đóng cho bà Đ chứ không trực tiếp đóng cho bà Đ.

N vậy ông đã trả cho bà H được số tiền 29.000.000 đồng gồm 02 lần trả 11.000.000 đồng và đóng hụi thay cho bà H 18.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng tiền vốn bà H nói cho ông luôn, không yêu cầu trả. Nay bà H yêu cầu ông trả 33.000.000 đồng ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả 1.000.000 đồng.

Tại văn bản ngày 27/5/2020 quá trình thu thập chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Hoàng L, bà thống nhất toàn bộ với lời trình bày của ông L, không trình bày bổ sung.

Tại văn bản ngày 27/5/2020 quá trình thu thập chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Cháu là con của ông Nguyễn Hoàng L. Việc ông L vay tiền của bà H cháu không biết Nng ông L có kêu cháu đem 5.500.000 đồng trả cho bà H, khi cháu đem tiền đến trả bà H thì gặp anh Nguyễn Văn M (con rể bà H) nên cháu gửi trả 5.500.000 đồng cho anh M để trả cho bà H, việc A M nhận tiền Nng không có làm biên nhận. Việc bà H tham gia hụi của bà Đ cháu có biết, ông L tham gia 15 chân, bà H tham gia 15 chân, ông L có trách nhiệm đóng tiền 15 chân hụi cho bà H vì ông L còn nợ tiền vay bà H, 03 ngày đầu cháu đóng hụi phần bà H trực tiếp cho bà Đ, Nng sau đó bà Đ gửi tiền lại nói cháu gửi cho chị Thùy D (con bà H) cho dễ theo dõi. Cháu và chị cháu là Nguyễn Thị T A là người đưa tiền hụi mỗi ngày cho chị Thùy D để chị D đóng hụi cho bà Đ đối với phần hụi của bà H là 15 phần = 150.000 đồng/ngày, tổng số tiền cháu và chị cháu là T A đã đưa cho chị Thùy D được 4 tháng x 150.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Tại văn bản ngày 27/5/2020 quá trình thu thập chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị T A trình bày: Cháu là con của ông Nguyễn Hoàng L, cháu và em cháu Nguyễn Thị Ngọc N có gởi tiền hụi cho chị Nguyễn Thị Thùy D là con bà H số tiền 18.000.000 đồng, đây là số tiền hụi ông L đóng thay cho bà H, việc gởi tiền không có làm biên nhận, giấy tờ gì.

Tại văn bản ngày 27/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Chị là con bà H, chị không có nhận 5.500.000 đồng do chị T vợ ông L gởi trả bà H và không có nhận số tiền 18.000.000 đồng do cháu Ngọc N và T A gửi để đóng hụi cho bà Đ. Chị xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 27/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A Nguyễn Văn M trình bày: A là con rể bà H, A không có nhận số tiền 5.500.000 đồng của cháu Ngọc N con ông L gởi trả cho bà H. A xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị ThA Đ trình bày: Bà không có bà con gì với bà H, ông L. Bà có làm chủ hụi, bà H và ông L có tham gia Nng hụi của bà H thì con bà H đóng, hụi của ông L thì con của ông L đóng, việc cấn trừ tiền bạc giữa ông L và bà H bà không biết. Bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án D sự sơ thẩm số: 107/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân D thị xã LM, tỉnh Hậu Giang tuyên xử N sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 33.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, ông Nguyễn Hoàng L có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Nguyễn H N trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ ông L có trình báo với công an về việc bà H ép ký biên nhận và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng D sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Hoàng L kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đối với yêu cầu của Luật sư đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ việc ông L có trình báo công an sự việc bà H ép ký biên nhận. Hội đồng xét xử nhận định, theo điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng D sự, Hội đồng xét xử có quyền quyết định tạm ngừng phiên tòa trong trường hợp *"Cần phải xác M, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa"*, ông L cho rằng do bà H ép buộc ký biên nhận nợ, tại phiên tòa sơ thẩm, ông L trình bày có báo công an sự việc nêu trên Nng khi công an xuống thì đã về hết nên không làm việc được (Bút lục 61). Mặt khác, sau khi ký biên nhận nợ, ông L khẳng định đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong cho bà H theo biên nhận nợ đã ký. Do đó, việc tạm ngừng phiên tòa trong trường hợp này là không cần thiết, yêu cầu của Luật sư là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng L.

[2.1] Bà H cho rằng, thực tế giao dịch vay được xác lập vào ngày 12/8/2017, vay 33 triệu đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 2 triệu đồng/tháng, ông L đã đóng lãi được 03 tháng, tương đương số tiền 6 triệu đồng rồi không đóng nữa, hợp đồng của các bên không xác định thời hạn trả cụ thể, không có làm biên nhận tại thời điểm xác lập giao dịch. Bị đơn thống nhất thời gian vay ngày 12/8/2017, Nng chỉ vay bà H 30 triệu đồng, lãi suất 150.000 đồng/ngày, đã đóng lãi 27 triệu đồng. Đối với phần vốn đã trả cho nguyên đơn các lần N sau:

Lần 01: Chị Nguyễn Thị Thanh T (vợ bị đơn) có trả 5.500.000 đồng cho bà H, do chị Thùy D (con bà H) nhận thay, không có giấy tờ đã trả nợ.

Lần 02: Nguyễn Thị Ngọc N (con ông L) có trả 5.500.000 đồng cho bà H, do A Nguyễn Văn M (con rễ bà H) nhận thay, không có giấy tờ đã trả nợ.

Ngoài ra, ông L và bà H cùng chơi hụi do bà Nguyễn Thị Thanh Đ làm chủ hụi, do còn nợ tiền bà H nên ông kêu con ruột là Nguyễn Thị Ngọc N và Nguyễn Thị T A mỗi ngày gửi cho chị Thùy D 150.000 đồng để đóng hụi thay cho bà H, tổng số tiền là 18 triệu đồng, tuy nhiên không có giấy tờ kèm theo.

Nhận thấy, ông L trình bày Nng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng M, không được bà H, chị Thùy D, A M thừa nhận. Mặt khác, bà Nguyễn Thị Thanh Đ khẳng định phần hụi của bà H thì con bà H đóng, còn hụi của ông L thì con ông L đóng; giữa ông L, bà H, bà Đ không có sự thỏa thuận cấn trừ nợ N ông L trình bày. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định không có căn cứ xác định ông L đã trả cho bà H tiền vốn 02 lần 11 triệu đồng và đóng hụi thay cho bà H 18 triệu đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp biên nhận thể hiện bị đơn có nợ 33 triệu đồng. Mặc dù, trong văn bản này không thể hiện thời gian lập Nng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lập vào tháng 4/2018 (lập sau thời điểm giao kết hợp đồng vay tài sản). Mặt khác, bị đơn thừa

nhận có ký tên vào biên nhận này. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng M theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ nên phải chịu trách nhiệm pháp lý về giao dịch đã xác lập.

Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 33 triệu đồng tiền gốc là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Mặc dù, cả nguyên đơn và bị đơn khai không thống nhất về mức lãi suất, đồng thời cũng không có văn bản nào thể hiện thỏa thuận lãi suất của các bên Nng nếu căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn hay bị đơn về lãi suất cũng cao hơn so với quy định pháp luật. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã đóng lãi được 6 triệu đồng, tuy nhiên, trong vụ án này cả nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu xem xét lại vấn đề lãi suất nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Từ những phân tích nêu trên, ông L kháng cáo Nng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng M cho việc kháng cáo nên không cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L.

[4] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Án phí D sự phúc thẩm: Ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng L phải chịu 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000686 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông L đã tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0000540 ngày 01/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Ông L đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 31/12/2020.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX. LM;
- Chi cục THADS TX. LM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Tuấn